Biểu A1.1

XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2020 - 2021
(Dành cho trường THPT công lập không có lớp chuyên)

Tên trường : THPT CAO BÁ QUÁT – QUỐC OAI

Địa chỉ : **Xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội** . Điện thoại liên hệ : **024.33945233**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2019	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	**Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV** (có mặt 01/01/2020). *Chia ra* :	Người	84	70	83
	- Cán bộ quản lý	Người	4	3	4
	- Giáo viên	Người	68	56	67
	Trong đó: - Biên chế	Người	*68*	*56*	*67*
	- Hợp đồng	Người			
	- Công nhân viên	Người	12	11	12
	Trong đó: - Biên chế	Người	6	6	6
	- Hợp đồng	Người	6	5	6
2	**Tổng số lớp**	Lớp	34	34	33
	Chia ra: Lớp 10	*Lớp*	10	10	11
	Lớp 11	*Lớp*	12	12	10
	Lớp 12	*Lớp*	12	12	12
3	**Tổng số học sinh**	Học sinh	1478	1493	1490
	Chia ra: Lớp 10	*Học sinh*	450	450	495
	Lớp 11	*Học sinh*	546	545	450
	Lớp 12	*Học sinh*	482	498	545

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Nhiên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CAO BÁ QUÁT QUỐC OAI

Nguyễn Danh Chiến

Scanned with CamScanner

Biểu A1.2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

Tên trường : THPT CAO BÁ QUÁT – QUỐC OAI

A. Tình hình cơ sở vật chất :

- Tổng diện tích đất: 13.262 m^2
- Tổng diện tích sử dụng: 8.262 m^2
- Số Sổ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

1. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	*Chia ra*		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	23	23		

2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn *(ghi rõ nội dung chưa đạt)*
1. Vật lý	1	72		
Phòng chuẩn bị TH	1	20		
2. Hóa học	1	72		
Phòng chuẩn bị TH	1	20		
3. Sinh học	1	72		
Phòng chuẩn bị TH				Chưa có
4. Công nghệ	1	48		
Phòng chuẩn bị TH	1	24		
5. Ngoại ngữ	1	72		Thiết bị hư hỏn
6. Tin học	2	96		Phòng học thông thường
7. Phòng đa năng				
8. Thư viện	1	96		
Số lượng sách, tài liệu tham khảo		x	x	x
9. Nhà thể chất	1	520		
10. Phòng Y tế	1	20		

Scanned with CamScanner

3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn [x] Chưa đạt chuẩn [ ]

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: ..... nhà

Trong đó: Đạt chuẩn [x] Chưa đạt chuẩn [ ]

B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh	620	552	68
+ Loại 2 chỗ ngồi	620	552	68
+ Loại 4 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên	28	28	
3. Bảng	28	28	
Trong đó: *Bảng thông minh*	28	28	
4. Máy vi tính	66	66	
Chia ra: *+ Dùng cho HS*	50	50	
+ Dùng cho Quản lý	16	16	
+ Kết nối Internet	66	66	
5. Số máy in	15	15	
6. Máy chiếu Projecter	10	10	
7. Máy photocopy	2	2	
8. Khác			

Hà Nội ngày 09 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Nhiên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CAO BÁ QUÁT QUỐC OAI

Nguyễn Danh Chiến

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 09

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	...
I	Điều kiện tuyển sinh	11	10	12	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	SGK chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Theo Điều lệ trường phổ thông và Điều lệ Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh. - Học sinh tích cực, chủ động, thân thiện			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp, tham quan học hỏi.			
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học lực: Giỏi >18%; Khá>70%; TB<13% ; Yếu<1% - Hạnh kiểm: Tốt, Khá>97%; TB<2%;Yếu<0,3%; - Đỗ Tốt nghiệp >95% - Đỗ ĐH, CĐ >50% số học sinh dự thi. - Đi học tập nước ngoài >15%			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Chủ động, khoa học, sáng tạo; rèn luyện năng lực tự học để tiếp tục học tập cao hơn, hoặc tham gia học nghề sau khi tốt nghiệp THPT.			

Quốc Oai, ngày 09 tháng 01 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CAO BÁ QUÁT QUỐC OAI

Nguyễn Danh Chiến

Scanned with CamScanner

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**1542**	**542**	**500**	**482**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1235 81%	403 74,4%	405 81%	427 88,6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	257 16,9%	115 21,2%	87 17,4%	55 11,4%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	28 1,8%	22 4,1%	6 1,2%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,2%	1 0,2%	2 0,4%	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1542**	**542**	**500**	**482**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	291 19,1%	47 8,7%	121 24,2%	123 25,5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1075 70,5%	397 73,2%	325 65%	353 73,2%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	153 10%	95 17,5%	52 10,4%	6 1,2%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,4%	3 0,6%	2 0,4%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1542**	**542**	**500**	**482**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1518 99,6%	539 99,4%	497 99,4%	482 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	284 18,6%	46 8,5%	119 23,8%	119 24,7%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1069 70,1%	389 71,8%	323 64,6%	357 74,1%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,3%	3 0,6%	2 0,4%	
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%		1 0,2%	

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Ch. đến: 8 Ch. đi: 8	Ch.đến: 7 Ch. đi: 7	Ch.đến: 1 Ch. đi: 1	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,3%	4 0,7%	2 0,4%	0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	43	15	17	11
1	*Cấp cụm*	32 Nhất: 4 Nhì: 4 Ba: 11 KK: 13	15 Nhất: 2 Nhì: 2 Ba: 4 KK: 7	17 Nhất: 2 Nhì: 2 Ba: 7 KK: 6	0
2	Cấp thành phố	11 VH: 6 (Ba:1; KK: 5) TDTT: 5 (HCV: 4; HCĐ: 1)	0	0	11 VH: 6 (Ba:1; KK: 5) TDTT: 5 (HCV: 4; HCĐ: 1)
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	482			482
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	475 98,5%			475 98,5%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	274 56,8%			274 56,8%
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	838/704	310/232	277/233	251/231
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	0	0	0	0

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CAO BÁ QUÁT QUỐC OAI

Nguyễn Danh Chiến

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 11

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	23	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	23	-
1	Phòng học kiên cố	23	1/1
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	7	1,3/1
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,3	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45,1	-
III	**Số điểm trường**		-
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	13262	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	8.500	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1104	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	432	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	64	
3	Diện tích thư viện (m^2)	96	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	520	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	72	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	206	
1.1	Khối lớp 10	72	
1.2	Khối lớp 11	24	
1.3	Khối lớp 12	110	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	**33**	
2.1	Khối lớp 10	**7**	

Scanned with CamScanner

2.2	Khối lớp 11	**24**	
2.3	Khối lớp 12	**2**	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
4	…..		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	03	
2	**Cát xét**	04	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	03	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	13	
5	**Thiết bị khác,…**	04	
6	**……**		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	
2	Cát xét	04	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác,….	04	
6	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		4		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

Scanned with CamScanner

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet (cáp quang)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CAO BÁ QUÁT QUỐC OAI

Nguyễn Danh Chiến

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 12

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	70		16	47	1	3	3	59			55	3	1	
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	56		13	43				56			52	3	1	
1	Toán	9		3	6				9			9			
2	Lý	3		3					3			2	1		
3	Hóa	5		1	4				5			5			
4	Sinh	3		1	2				3			3			
5	Tin	4		1	3				4			3	1		
6	Công nghệ	3			3				3			3			
7	Ngữ văn	7		3	4				7			7			
8	Lịch sử	5		1	4				5			4	1		
9	Địa lý	3			3				3			3			
10	Tiếng Anh	6			6				6			6			
11	GDCD	3			3				3			3			
12	Thể dục	3			3				3			2		1	
13	GDQP	2			2				2			2			
II	**Cán bộ quản lý**	3		3					3			3			
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2			2			

Scanned with CamScanner

III	**Nhân viên**	11			4	1	3	3							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			2										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9		5			1	1		3							

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CAO BÁ QUÁT QUỐC OAI

Nguyễn Danh Chiến

Scanned with CamScanner